

Số: 1179 /QĐ-ĐHTM

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điểm chuẩn trúng tuyển diện xét tuyển thẳng thí sinh thuộc huyện nghèo/dân tộc thiểu số rất ít người vào đại học chính quy năm 2024**

### CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc ban hành “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học”;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-ĐHTM ngày 12/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Trường;

Căn cứ Nghị quyết số 138/NQ-HĐT ngày 22/4/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Đề án tuyển sinh đại học năm 2024, Thông báo số 922/TB-ĐHTM ngày 25/4/2024 về xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển vào Trường Đại học Thương mại kỳ tuyển sinh đại học chính quy năm 2024 (Phương thức 301) của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ danh sách thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển vào đại học chính quy năm 2024;

Căn cứ kết luận cuộc họp xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển của Thường trực Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy Trường Đại học Thương mại ngày 05/07/2024;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt điểm chuẩn trúng tuyển diện xét tuyển thẳng thí sinh thuộc huyện nghèo/dân tộc thiểu số rất ít người vào đại học chính quy năm 2024 theo quy định tại Điều 8, Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Bộ GD&ĐT; Điều 8, Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Thương mại (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Điểm chuẩn trúng tuyển được xét dựa trên hồ sơ thí sinh cung cấp, trường hợp có sai sót sẽ được giải quyết theo quy định.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) thuộc Hội đồng tuyển sinh và Ban thư ký tuyển sinh đại học chính quy năm 2024, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### Nơi gửi:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phòng TT&TS;
- Lưu VT.

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ CHỦ TỊCH TTHĐTS



*[Signature]*

GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

**ĐIỂM CHUẨN TRÚNG TUYỂN DIỆN XÉT TUYỂN THĂNG**  
(*đối với thí sinh thuộc huyện nghèo/dân tộc thiểu số rất ít người vào đại học chính quy năm 2024*)  
(*Kèm theo Quyết định số 1179/QĐ-ĐHTM-HĐTS ngày 08/07/2024*  
*của Chủ tịch HĐTS Trường Đại học Thương mại*)

TT	Mã ngành ĐKXT	Tên ngành (Chuyên ngành/Chương trình đào tạo)	Điểm trúng tuyển (theo điểm trung bình học tập 3 năm bậc THPT)
1	TM01	Quản trị kinh doanh (Quản trị kinh doanh)	8.00
2	TM02	Quản trị kinh doanh (Quản trị kinh doanh - Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế - IPOPOP)	8.00
3	TM03	Quản trị kinh doanh (Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh)	8.13
4	TM04	Marketing (Marketing thương mại)	8.40
5	TM05	Marketing (Quản trị thương hiệu)	8.00
6	TM06	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng)	8.03
7	TM07	Kế toán (Kế toán doanh nghiệp)	8.00
8	TM08	Kế toán (Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế ICAEW CFAB - Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế - IPOPOP)	8.00
9	TM09	Kế toán (Kế toán công)	7.90
10	TM10	Kiểm toán (Kiểm toán)	8.00
11	TM11	Kinh doanh quốc tế (Thương mại quốc tế)	8.13
12	TM12	Kinh tế quốc tế (Kinh tế quốc tế)	8.00
13	TM13	Kinh tế (Quản lý kinh tế)	8.47
14	TM14	Tài chính - Ngân hàng (Tài chính - Ngân hàng thương mại)	8.13
15	TM15	Tài chính - Ngân hàng (Tài chính - Ngân hàng thương mại - Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế - IPOPOP)	8.00
16	TM16	Tài chính - Ngân hàng (Tài chính công)	8.00
17	TM17	Thương mại điện tử (Quản trị Thương mại điện tử)	7.53
18	TM18	Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh thương mại)	8.00
19	TM19	Luật kinh tế (Luật kinh tế)	8.53
20	TM20	Quản trị kinh doanh (Tiếng Pháp thương mại)	8.00
21	TM21	Ngôn ngữ Trung Quốc (Tiếng Trung thương mại)	8.00
22	TM22	Hệ thống thông tin quản lý (Quản trị Hệ thống thông tin)	8.00
23	TM23	Quản trị nhân lực (Quản trị nhân lực doanh nghiệp)	8.00



*Handwritten signature*

TT	Mã ngành ĐKXT	Tên ngành (Chuyên ngành/Chương trình đào tạo)	Điểm trúng tuyển (theo điểm trung bình học tập 3 năm bậc THPT)
24	TM24	Quản trị khách sạn (Quản trị khách sạn - Chương trình định hướng nghề nghiệp)	7.67
25	TM25	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Chương trình định hướng nghề nghiệp)	8.00
26	TM26	Hệ thống thông tin quản lý (Quản trị Hệ thống thông tin - Chương trình định hướng nghề nghiệp)	8.00
27	TM27	Quản trị nhân lực (Quản trị nhân lực doanh nghiệp - Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế - IPOPOP)	8.00
28	TM28	Marketing (Marketing số)	8.37
29	TM29	Luật kinh tế (Luật Thương mại quốc tế)	8.00
30	TM30	Thương mại điện tử (Kinh doanh số)	8.00
31	TM31	Quản trị khách sạn (Quản trị khách sạn)	8.00
32	TM32	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)	8.00
33	TM33	Kinh tế số (Phân tích kinh doanh trong môi trường số)	8.00
34	TM34	Quản trị khách sạn (Quản trị khách sạn - Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế - IPOPOP)	8.00
35	TM35	Marketing (Marketing thương mại - Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế - IPOPOP)	8.00
36	TM36	Kinh doanh quốc tế (Thương mại quốc tế - Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế - IPOPOP)	8.00
37	TM37	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và xuất nhập khẩu - Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế - IPOPOP)	8.00
38	TM38	Tài chính - Ngân hàng (Công nghệ Tài chính ngân hàng)	8.00

AO TAO

*[Handwritten signature]*